

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2017/DS-PT

Ngày: 13/9/2017

V/v Tranh chấp thừa kế quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Vững

Bà Lê Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Trần Thanh Đồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2016/TLPT-DS, ngày 04/10/2016 về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2016/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219a/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Q, sinh năm 1967; địa chỉ: số 158 Khu dân cư, ấp LĐ, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Phan Văn V, sinh năm 1950; địa chỉ: 04/3 ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1955;

2. Ông Phan Phi N, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: 04/3 ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Phi N: ông Phan Văn V, sinh năm 1950; địa chỉ: 04/3 ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2016).

3. Ông Phan Văn Y, sinh năm 1946; địa chỉ: 285/5 ấp LA, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Phan Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ: 1/3A N, khu phố 4, phường 3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

5. Ủy ban nhân dân huyện L; Người đại diện theo pháp luật ông Hồ Thanh P – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

- Người kháng cáo: Ông Phan Văn V là bị đơn.

Bà Q, ông V, ông Y, bà H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phan Thị Q trình bày:

Cha của bà Phan Thị Q là ông Phan Minh S (chết ngày 30/01/2003) và mẹ là bà Nguyễn Thị H1 (chết năm 1997) có 04 con chung gồm có: Phan Văn Y; Phan Văn V; Phan Thị Q; Phan Văn C, trong thời gian chung sống Phan Minh S; Nguyễn Thị H1 có tạo lập tài sản chung trong đó có thửa 45, tờ bản đồ số 04 (Bản đồ 299), mục đích sử dụng đất: Lúa (Đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số 49). Trước khi chết cha, mẹ bà Q không có lập di chúc, nhưng sau khi cha chết Phan Văn V tự ý lập thủ tục kê khai thừa kế quyền sử dụng đất đứng tên người sử dụng đất với tư cách là hộ ông Phan Văn V và đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất.

Bà Q không có nhận hưởng 2.600m² đất cha mẹ cố của ông T; 07 chỉ vàng; đầu máy may và cũng không có khởi kiện cha Phan Minh S để yêu cầu chia thừa kế như ông Phan Văn V trình bày. Đã nhiều lần Phan Thị Q thỏa thuận với Phan Văn V để nhận hưởng phần thừa kế di sản của cha để lại, nhưng ông Phan Văn V không đồng ý. Do đó, bà Q yêu cầu hộ ông Phan Văn V; Lê Thị Kim H; Phan Phi N chia cho bà Q được quyền sử dụng 3.030,8m² đất, thuộc một phần trong thửa 45, tờ bản đồ số 4 (Bản đồ 299), mục đích sử dụng đất: Lúa (Đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước), tọa lạc tại ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 11/01/2016, bà Phan Thị Q nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích 869,2 m².

- Bị đơn ông Phan Văn V trình bày:

Ông Phan Văn V; Lê Thị Kim H; Phan Phi N thừa nhận cha của ông là Phan Minh S (chết ngày 30/01/2003) và mẹ là Nguyễn Thị H1 (chết năm 1997) có 04 con chung gồm có: Phan Văn Y; Phan Văn V; Phan Thị Q; Phan Văn C, trong thời gian chung sống Phan Minh S; Nguyễn Thị H1 có tạo lập tài sản chung trong đó có thửa 45, tờ bản đồ số 04 (Bản đồ 299), mục đích sử dụng đất: Lúa (Đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số

49, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước), thuộc ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nhưng trước khi chết mẹ không để lại di chúc, còn cha có lập tờ di chúc nội bộ ngày 02/01a1/2000 có hai người làm chứng phân chia như sau:

Phan Văn C được quyền sử dụng 6.500m² đất;

Phan Văn V được quyền sử dụng 3.900m² đất để sử dụng vào việc thờ cúng và nuôi cha mẹ, còn lại 2.600m² đất bán để làm chi phí lấy hài cốt ông bà nội từ Hậu Giang về. Sau đó phần 6.500m² đất của Phan Văn C đã chuyển nhượng cho Phan Văn V, phần 2.600m² đất còn lại đáng lẽ bán để làm chi phí lấy hài cốt ông bà nội từ Hậu Giang về, nhưng Phan Văn V tự chi xuất không bán để giữ lại 2.600 m² đất.

Đối với bà Phan Thị Q đã được hưởng 2.600m² đất cha mẹ cố của ông T; 07 chỉ vàng; đầu máy may và bà Q còn khởi kiện cha Phan Minh S để yêu cầu chia thừa kế do Hội đồng hòa giải xã LT hòa giải hai lần, nhưng Phan Minh S không đồng ý chia thừa kế cho bà Q.

Do đó hộ ông Phan Văn V; Lê Thị Kim H; Phan Phi N không đồng ý theo yêu cầu của Phan Thị Q.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Y và ông Phan Văn C trình bày:

Ông Phan Văn Y và ông Phan Văn C thừa nhận lời trình bày của bà Q và ông V về phần tài sản chung của cha mẹ tạo lập. Ông C và ông Y trình bày trước khi chết cha, mẹ không có lập di chúc, nhưng ông C và ông Y không tranh chấp, từ chối và không yêu cầu chia di sản của cha mẹ để lại. Do đó, ông C và ông Y yêu cầu ông V chia thừa kế phần đất theo như yêu cầu bà Q.

Trong hai Công văn số: 35/UBND-TNMT, ngày 12/3/2015 và công văn số: 78/UBND- TNMT, ngày 01/6/2015 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Theo hệ thống bản đồ 299 thì thửa đất số 45, tờ bản đồ số 4, diện tích 13.000m² đất trồng lúa. Được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn V được nhận thừa kế từ hộ ông Phan Minh S.

Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 4, diện tích 13.000m² được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ ông Nguyễn Văn H2, sau đó hộ ông H2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Minh S; hộ ông Phan Minh S thừa kế quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn V.

Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 4 đã cấp đổi sang hệ thống bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số 49, diện tích 12.229m² đất trồng lúa, địa chỉ thửa đất tại ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, cấp đổi ngày 22/5/2009. Được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn V.

Ủy ban nhân dân huyện L cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện L các hồ sơ liên quan đến thửa đất số 45, tờ bản đồ số 4; Hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất từ hộ ông Nguyễn Văn H2 cho hộ ông Phan Minh S; Hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Minh S cho hộ ông Phan Văn V và hồ sơ cấp đổi của hộ ông Phan Văn V.

Thửa 45, tờ bản đồ số 4, diện tích 13.000m², hộ ông Phan Văn V nhận thừa kế từ hộ ông Phan Minh S là theo pháp luật.

Thửa 45, tờ bản đồ số 4 thừa kế cho hộ ông Phan Văn V theo pháp luật căn cứ vào Quyết định số 323/QĐ-UB của UBND huyện L ngày 03/6/2003.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn V theo pháp luật là đúng theo trình tự, thủ tục luật định.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Đình chỉ giải quyết về việc: Phan Thị Q yêu cầu hộ ông Phan Văn V chia cho Phan Thị Q được quyền sử dụng 869,2m² đất một phần trong thửa 45, tờ bản đồ số 4 (Bản đồ 299), mục đích sử dụng đất: Lúa (Đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước) do ông hộ Phan Văn V đứng tên người sử dụng đất, địa chỉ thửa đất tại: ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc Phan Văn V; Lê Thị Kim H; Phan Phi N giao cho Phan Thị Q được quyền sử dụng 3.030,8m² (Trong phạm vi các mốc M2; M3; M4; M5 trở về mốc M2 theo sơ đồ tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp số: 80/TĐBĐ/2016 đo vẽ ngày 27/4/2016) một phần trong thửa 45, tờ bản đồ số 4 (Bản đồ 299), mục đích sử dụng đất: Lúa (Đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước), địa chỉ thửa đất tại: ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Giữ nguyên hiện trạng cho Phan Văn V được quyền sử dụng 3.030,8m² đất và tiếp tục quản lý, sử dụng 6.061,7m² đất (Trong phạm vi các mốc M1; M2; M3; M4; M7; M6 trở về mốc M1 theo sơ đồ tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp, số: 80/TĐBĐ/2016 đo vẽ ngày 27/4/2016) là 3/4 thửa 45, tờ bản đồ số 4 (Bản đồ 299), mục đích sử dụng đất: Lúa (Đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước), địa chỉ thửa đất tại: ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất đã tuyên ở trên trong thửa 45, tờ bản đồ số 4 (Bản đồ 299), mục đích sử dụng đất: Lúa (Đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước), địa chỉ thửa đất tại: ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có sơ đồ tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp, số: 80/TĐBĐ/2016 đo vẽ ngày 27/4/2016 kèm theo bản án này).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn V, Phan Phi N, Lê Thị Kim H phải liên đới chịu 12.123.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Q phải chịu 12.123.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 4.387.500đ đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 003572, ngày

25/5/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà Q còn phải nộp 7.735.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Lệ phí thẩm định, định giá:

Buộc Phan Văn V, Phan Phi N, Lê Thị Kim H liên đới trả cho Phan Thị Q 1.085.900đ về chi phí đo đạc và 1.200.00đ chi phí định giá.

Bà Phan Thị Q phải chịu 1.085.900 đồng về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá (bà Q đã nộp xong).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 24/8/2016, bị đơn ông Phan Văn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án xem lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phan Văn V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Q, nếu bà Q gặp khó khăn thì ông đồng ý hỗ trợ số tiền 60 triệu đồng.

Bà Phan Thị Q yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Phan Văn Y trình bày việc chia đất cho bà Phan Thị Q diện tích đất như Tòa án L là hợp lý.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo lời trình bày của bà Q, cha bà là ông Phan Minh S chết vào năm 2003 và mẹ là bà Nguyễn Thị H1 chết vào năm 1997 sống với nhau có 04 người con chung, và có tạo lập tài sản chung là 13.000m² đất lúa thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 04, đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa số 49, tờ bản đồ số 49, diện tích 12.229m² đất tọa lạc tại ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi ông S, bà H1 chết không có để lại di chúc, ông V tự ý lập thủ tục kê khai thừa kế quyền sử dụng đất đứng tên với tư cách là hộ ông Phan Văn V và quản lý sử dụng phần đất này. Nay bà Q yêu cầu hộ ông Phan Văn V chia cho bà 3.030,8m² trong khối tài sản chung 12.229m² vì đây là tài sản chung chưa phân chia, và bà chưa được nhận tài sản thừa kế mà ba mẹ bà để lại.

[2] Ông Phan Văn V thừa nhận lời trình bày của bà Q về việc ông Phan Minh S và bà Nguyễn Thị H1 tạo lập được phần tài sản chung là 13.000m² đất

lúa, tọa lạc tại ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, trước khi chết ông S có lập tờ di chúc nội bộ ngày 02/01a/2000 để phân chia khối tài sản 13.000m². Theo nội dung của tờ di chúc nội bộ thì ông Phan Văn C được quyền sử dụng 6.500m², Phan Văn V được quyền sử dụng 3.900m² để sử dụng vào việc thờ cúng và nuôi cha mẹ, còn lại 2.600m² bán để làm chi phí lấy hài cốt của ông bà về, nhưng ông V không bán mà tự chi tiền của mình.

Đối với bà Q đã được cha mẹ chia cho 2.600m² đất cổ của ông T, 07 chỉ vàng và 01 đầu máy may nhưng bà Q còn yêu cầu ông S chia thêm đất khi ông S còn sống nhưng ông S không đồng ý. Do bà Q đã được cha mẹ đã chia thừa kế nên nay hộ ông V không đồng ý theo yêu cầu của bà Q.

[3] Về nguồn gốc đất:

Bà Q và ông V đều thừa nhận phần đất yêu cầu chia thừa kế là tài sản chung của cha mẹ để lại. Tuy nhiên theo ông V phần đất này theo tờ di chúc nội bộ của ông S thì ông V được hưởng 3.900m², 2.600m² dùng để bán để có chi phí lấy hài cốt ông bà từ Hậu Giang về thì ông V cũng tự chi xuất tiền của mình nên phần này ông được quyền sử dụng, còn 6.500m² của ông Phan Văn C được chia thì đã bán cho ông với giá 75 chỉ vàng và đã được ông C thừa nhận nên phần đất của cha mẹ để lại là của ông, không còn là tài sản chung, bà Q đã được chia thừa kế nên ông V không đồng ý chia đất cho bà Q.

Đối với bà Q không thừa nhận tờ di chúc nội bộ ngày 02/01a/2000 của ông S và tờ di chúc này không có công chứng, chứng thực. Bà cung cấp tờ chúc ngôn của ông S ngày 05/6/1997 trong đó có nội dung, ông S đồng ý chia cho bà 5 công đất ruộng và ông Phan Văn C 5 công nhưng tờ chúc ngôn này cũng không có công chứng, chứng thực. Tại biên bản đối chất ngày 19/11/2013 của Tòa án cấp sơ thẩm, ông V thừa nhận ông S có để lại hai tờ chúc ngôn là tờ chúc ngôn ngày 05/6/1997 mà bà Q cung cấp và tờ di chúc nội bộ ngày 02/01a/2000 do ông cung cấp. Theo ông V lý do có hai tờ di chúc là trước đây ông S có đồng ý cho bà Q 05 công đất, nhưng bà Q khởi kiện ông S để đòi thêm tài sản nên ông S không đồng ý cho bà Q 05 công đất nữa mà làm lại tờ di chúc nội bộ ngày 01/02a/2000.

Bà Q không thừa nhận lời trình bày của ông V, yêu cầu tòa án giám định chữ ký của ông S trong tờ di chúc nội bộ ngày 02/01a/2000 của ông V cung cấp và tờ chúc ngôn ngày 05/6/1997. Theo kết quả giám định chữ ký của ông S trên hai tờ chúc ngôn không phải do một người ký ra như lời trình bày của ông V. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận tờ di chúc nội bộ ngày 02/01a/2000 không phải do ông Phan Minh S lập.

Hơn nữa đối với phần tài sản chung sau khi cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy diện tích 12.229m², ông Phan Văn Y và ông Phan Văn C đều có ý kiến không tranh chấp thừa kế tài sản của cha mẹ để lại. Tại tờ trình ngày 20/7/2011, ông Phan Văn Y thừa nhận năm 1997, cha ông có làm tờ chúc ngôn với nội dung là chia cho Phan Thị Q 5 công và Phan Văn C 5 công vì phần ăn hai đứa này chưa có. Ông Y và ông C đề nghị ông V chia thừa kế quyền sử dụng đất theo yêu cầu của bà Q.

[4] Về quá trình kê khai đăng ký quyền sử dụng đất:

Tại tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 02/5/2003, ông Phan Văn V xin thừa kế quyền sử dụng đất 13.000m² tại dòng những người thỏa thuận thừa kế chỉ có ông Phan Văn V ký tên, những người đồng thừa kế còn lại là ông C, ông Y, bà Q không có ký tên đồng ý. Như vậy, sau khi ông S chết, ông V là người đại diện trong hộ làm thủ tục kê khai thừa kế và được UBND huyện L cấp QSDĐ là trên cơ sở kê khai của người trong hộ đại diện hộ đứng tên chứ không phải cấp cho ông V là người thừa kế duy nhất vì những người thừa kế còn lại không có ký tên. Do đó, phần diện tích đất 12.229m² của ông S và bà H1 để lại vẫn là tài sản chung chưa chia.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V yêu cầu hoãn phiên tòa để đo đạc lại vị trí thửa đất chia cho bà Q, vì theo sơ đồ đo đạc, vị trí mà Tòa án sơ thẩm đo đạc chia cho bà Q là phần diện tích đất ông mua của ông C. Tuy nhiên, Tòa án yêu cầu ông V cung cấp chứng cứ việc ông mua đất của ông C tại vị trí chia đất cho bà Q nhưng ông V không cung cấp được nên Tòa án không tiến hành đo đạc lại theo yêu cầu của ông V.

[6] Qua các nội dung trên cho thấy, bà Q thuộc hàng thừa kế thứ nhất trong 4 anh em cùng hàng thừa kế, bà Q yêu cầu ông V chia thừa kế QSDĐ diện tích 3.030,8m² là không vượt quá phần đất mà bà Q được hưởng theo pháp luật. Vì vậy, yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Q là phù hợp theo quy định của pháp luật, nên kháng cáo của ông V là không có căn cứ để chấp nhận, do đó giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 675; khoản 2 Điều 676 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 179 Luật đất đai; Pháp lệnh số 10 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn V.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Q.

Buộc Phan Văn V, Lê Thị Kim H, Phan Phi N giao cho bà Phan Thị Q được quyền sử dụng 3.030,8m² (Trong phạm vi các mốc M2; M3; M4; M5 trở về mốc M2); đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số 49, thuộc ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Giữ nguyên hiện trạng cho hộ ông Phan Văn V được quyền sử dụng 3.030,8m² đất và tiếp tục quản lý, sử dụng 6.061,7m² đất (Trong phạm vi các mốc M1; M2; M3; M4; M7; M6 trở về mốc M1); đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, thuộc ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất đã tuyên; đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số 49, thuộc ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đình chỉ giải quyết của bà Phan Thị Q yêu cầu hộ ông Phan Văn V chia cho Phan Thị Q được quyền sử dụng 869,2m² đất; đã cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thành thửa 49, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng, do hộ ông Phan Văn V đứng tên người sử dụng đất, thuộc ấp H, xã LT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Có sơ đồ đo đạc của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 27/4/2016 kèm theo).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn V, Phan Phi N, Lê Thị Kim H phải liên đới chịu 12.123.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Q phải chịu 12.123.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 4.387.500đ đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 003572 ngày 25/5/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà Q còn phải nộp 7.735.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn V phải nộp 200.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 200.000 đồng đã nộp theo các biên lai thu số 05843 ngày 29/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

3. Lệ phí thẩm định, định giá:

Buộc Phan Văn V, Phan Phi N, Lê Thị Kim H liên đới trả cho bà Phan Thị Q 1.085.900đ về chi phí đo đạc và 1.200.00đ chi phí định giá.

Bà Phan Thị Q phải chịu 1.085.900 đồng về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá (bà Q đã nộp xong).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Phòng KTNV&THA;

- Các đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, (Y).

Huỳnh Thanh Mỹ